

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2021/DS-PT  
Ngày: 26-11-2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng mua  
bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Sang.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tâm;

Bà Nguyễn Thị An Tiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Châu- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1978; Cư trú tại: Tổ 12, ấp S, xã T1, huyện T2, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị Hoàng Y, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Số 1, hẻm 27, đường L, khu phố 3, phường 4, thành phố T3, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ liên hệ: Tổ 10, ấp C1, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Hải Đ1, sinh năm 1977; Cư trú tại: số 56-58, Đường L1, khu phố H, phường H1, thị xã H2, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Thanh N, sinh năm 1976; Cư trú tại: Tổ 12, ấp S, xã T1, huyện T2, tỉnh Tây Ninh.

**- Người kháng cáo:** Bà Trần Thị Hoàng Y là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:*

Vợ chồng bà T có bán gỗ cao su thanh lý cho bà Trần Thị Hoàng Y nhiều lần, nhưng các lần trước đó đã thanh toán xong với nhau. Sau đó, vào khoảng thời gian từ ngày 06 tháng 3 đến ngày 10 tháng 4 năm 2018, vợ chồng bà T có bán cho bà Y số lượng gỗ như trong các phiếu cân xe để giao hàng (bán) cho bà Y. Việc mua bán giữa hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau (không có hợp đồng) là mỗi lần giao (bán) cho bà Y 02 xe gỗ, sau 10 ngày thanh toán tiền một lần. Lúc đầu, hai bên thỏa thuận là giao xe rồi đo m<sup>3</sup> để quy đổi ra TE, sau này mới cân xe quy ra TE để giao hàng cho bà Y. Cách tính là cân xe cộng lại (sau khi trừ trọng lượng của xe) còn lại trọng lượng gỗ chia 750 là ra TE và 1TE cũng tương đương 1m<sup>3</sup>. Đây là quy ước chung của những người mua bán gỗ. Đồng thời việc cân xe cũng là căn cứ để tính tiền chở gỗ thuê đối với các tài xế xe.

Người giao hàng mấy chuyến đầu là chồng bà T (ông Trần Thanh N) trực tiếp giao, sau khi làm ăn quen biết rồi thì giao cho tài xế chở và giao hàng. Việc cân gỗ và giao gỗ, vợ chồng bà T giao cho tài xế trực tiếp thực hiện, phiếu cân xe do trạm cân lập 02 phiếu. Sau khi cân gỗ, tài xế lấy phiếu cân xe đi giao gỗ và bên mua là bà Y ký nhận, có khi người nhận hàng thay là anh Trần Minh S1 (em bà Y) ký nhận thay. Ngoài ra, có những chuyến giao hàng bà Y, anh S1 không có ở xưởng mà chỉ điện thoại cho nhân công xuống gỗ, do quen biết tin tưởng nên tài xế không cho ký phiếu. Phiếu cân xe, bên bán và bên mua, mỗi bên giữ 01 bản để làm căn cứ thanh toán với nhau.

Sau khi giao gỗ 10 ngày, đến hạn thanh toán thì bà Y cứ hứa hẹn nhưng chưa thanh toán. Do tin tưởng nên vợ chồng bà T đã giao hàng đến 53 phiếu thì bà Y cứ hẹn hết lần này sang lần khác nhưng không thanh toán cho vợ chồng bà T như đã hứa. Bà Y hứa nhiều lần nhưng vẫn không trả tiền và bà T sợ sau này bà Y sẽ phủ nhận việc mua gỗ nên bà T có ghi âm cuộc nói chuyện với bà Y về việc đòi nợ và đối chiếu số phiếu giao gỗ cho bà Y để làm chứng cứ.

Tổng cộng vợ chồng bà T bán gỗ cho bà Y theo 53 phiếu cân xe, nhưng chỉ cung cấp được 52 phiếu, còn 01 phiếu thất lạc nên không cung cấp được. Giá bán gỗ ban đầu thỏa thuận là 1.300.000 đồng/TE, nhưng giai đoạn từ 06-3-2018 trở về sau bà Y chỉ mua giá **1.250.000 đồng/TE và vợ chồng bà T vẫn đồng ý bán, cùng**

thời điểm này vợ chồng bà T cũng bán gỗ cùng chủng loại cho bà Phạm Thị Ngọc Linh giá 1.250.000 đồng/TE nên bà T chỉ yêu cầu bà Y thanh toán với giá 1.250.000 đồng/TE.

Bà T cho rằng, phiếu tính tiền gỗ là phiếu tính tiền giữa hai bên, nếu ra bản tính tiền gỗ tổng hợp hai bên tính tiền gỗ với nhau xong thì bên bà Y đã thu hồi các phiếu cân xe lại và bà T không còn giữ các phiếu cân xe này.

Ngoài ra, bà T còn khởi kiện bổ sung số tiền thanh toán gỗ mà bà Y còn nợ lại là 100.000.000 đồng theo phiếu tính tiền gỗ do bà Y lập và ký nhận nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án và các kết luận giám định, nay vợ chồng bà T yêu cầu bà Y trả số tiền gỗ chưa thanh toán còn nợ từ ngày 06-3-2018 đến ngày 10-4-2018 (của 52 phiếu cân xe và 01 phiếu tính tiền gỗ), cụ thể: Tổng cộng 742.750kg : 750 = 990,3TE x giá 1.250.000 đồng/TE = 1.237.875.000 đồng. Bà Y đã trả cho vợ chồng bà T tổng cộng được 130.000.000 đồng, còn lại là 1.107.875.000 đồng chưa thanh toán và 01 phiếu tính tiền gỗ bà Y còn nợ trước đó là 100.000.000 đồng. Vợ chồng bà T yêu cầu bà Y trả tổng cộng là 1.207.875.000 đồng và tính lãi chậm trả từ khi thiếu nợ (ngày hẹn trả 20-4-2018) cho đến nay.

*Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Nguyễn Thụy Hải Đ1 trình bày:* Việc mua bán gỗ cao su thanh lý giữa ông N và bà Y diễn ra từ ngày 06-3-2018 đến ngày 10-4-2018. Khi nhận gỗ thì bà Y chỉ nhận mặt gỗ từ 10cm trở lên và không bị quảng thâm khi mua, giá mua là 1.300.000 đồng/ 1TE, còn những gỗ mặt dưới 10cm thì bà Y sẽ thỏa thuận với ông N giá thấp hơn hoặc không mua (như bản ảnh bà Y đã cung cấp).

Trong quá trình mua bán, bà Y đã thanh toán hết tiền gỗ cho ông N và giữa bà Y và bà T đã tổng kết công nợ bằng phiếu tính tiền gỗ còn nợ lại 100.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 17-5-2018 (dương lịch) bà Y đã trả dứt điểm 100.000.000 đồng còn lại cho bà T.

Do đó, hiện tại bà Y không còn nợ bà T, ông N tiền mua gỗ nên bà Y không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T, ông N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Thanh N trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Kim T, vợ chồng ông có mua bán gỗ cao su thanh lý cho bà Y như bà T trình bày.

Lúc đầu việc mua bán thỏa thuận là đo gỗ rồi quy đổi ra TE, giai đoạn sau mới cân ký (kg) rồi quy ra TE bán cho bà Y. Cách thức tính là cân xe cộng lại

(sau khi trừ xe) còn lại trọng lượng gỗ chia 750 là ra TE, đây là quy ước chung của những người mua bán gỗ.

Còn việc cân xe do tài xế tự đi cân và lựa chọn trạm cân, sau đó ông N trả tiền cân lại cho tài xế, tiền cân xe 50.000 đồng/ xe. Mục đích cân xe là vừa để trả tiền chở gỗ cho tài xế và cũng là căn cứ để bán gỗ cho bà Y.

Khi mới mua bán với nhau, ông N trực tiếp giao gỗ. Sau khi làm ăn quen biết rồi thì ông N giao cho tài xế xe giao hàng và bên mua là bà Y ký nhận hàng, có khi người nhận hàng thay là ông Trần Minh S1 (em bà Y) ký nhận thay, có lúc do quen biết nên tài xế không cho ký phiếu. Hai bên thỏa thuận sau 10 ngày giao hàng sẽ thanh toán tiền, nhưng sau đó bà Y cứ hẹn hết lần này sang lần khác vẫn không thanh toán tiền gỗ cho vợ chồng ông.

Tổng cộng vợ chồng ông N bán gỗ cho bà Y theo 53 phiếu cân xe, giá bán 1.250.000 đồng/TE.

Ngoài phiếu cân xe để bán gỗ ra thì vợ ông là bà T có ghi âm khi nói chuyện với bà Y về việc đòi nợ số gỗ trên.

Nay vợ chồng ông N yêu cầu bà Y trả số tiền bán gỗ còn nợ từ ngày 06-3-2018 đến ngày 10-4-2018 theo các phiếu cân xe và phiếu tính tiền gỗ như sau: Tổng cộng 742.750 kg : 750 = 990,3TE x giá 1.250.000 đồng/TE = 1.237.875.000 đồng. Bà Y trả được 130.000.000 đồng, còn lại là 1.107.875.000 đồng chưa thanh toán. Ngoài ra còn 01 phiếu tính tiền trước đó bà Y còn nợ và vợ ông là bà T có khởi kiện bổ sung là 100.000.000 đồng do mới tìm được phiếu. Ông yêu cầu bà Y trả cho vợ chồng ông tổng cộng là 1.207.875.000 đồng và tính lãi chậm trả từ khi thiếu nợ đến nay.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 429, Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật dân sự và Điều 33 Luật HN&GD;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” đối với bà Trần Thị Hoàng Y.

Buộc bà Trần Thị Hoàng Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim T, ông Trần Thanh N số tiền **1.431.686.000** (Một tỷ bốn trăm ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 1.107.875.000 đồng và 323.811.000 đồng tiền lãi.

Ghi nhận bà T không yêu cầu chồng bà Y cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà T đối với bà Y về số tiền 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/4/2021 bà Trần Thị Hoàng Y có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Hoàng Y. Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận 14 phiếu cân xe không có chữ ký của bị đơn, xác định lại phiếu cân còn nợ và số tiền phải trả. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy :*

[1] Vợ chồng ông Trần Thanh N, bà Nguyễn Kim T và bà Trần Thị Hoàng Y có quan hệ làm ăn mua bán gỗ cao su thanh lý với nhau. Hình thức mua bán được 2 bên thỏa thuận miệng như sau: Ông N, bà T giao (bán) gỗ cho bà Y, sau 10 ngày thanh toán tiền một lần. Sau khi cân gỗ tại Trạm cân, tài xế lấy phiếu cân xe đi giao gỗ và bên mua là bà Y ký nhận, có khi người nhận gỗ là ông Trần Minh S1 (em ruột bà Y) ký nhận thay. Dựa vào phiếu cân gỗ 2 bên tiến hành đối chiếu lập ra phiếu tính tiền gỗ và phiếu tính tiền gỗ này là căn cứ trả tiền của các bên.

Cách tính là đo m<sup>3</sup> tính TE hoặc cân xe cộng lại (sau khi trừ trọng lượng của xe) còn lại trọng lượng gỗ chia 750 là ra TE và 1TE cũng tương đương 1m<sup>3</sup>.

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T khởi kiện cho rằng: Từ ngày 06-3-2018 đến ngày 10-4-2018 bà T có bán có bà Y khối lượng gỗ 742.750kg tương đương 990,3 TE (thể hiện tại 52 phiếu cân), tổng cộng với số tiền 1.237.875.000 đồng, bà Y đã trả được 130.000.000 đồng, nên bà Y còn nợ bà T số tiền 1.107.875.000 đồng. Ngoài ra, bà Y còn nợ bà T 100.000.000 đồng theo phiếu tính tiền gỗ ngày 20-2-2018. Bà T yêu cầu bà Y trả số tiền tổng cộng là 1.207.875.000 đồng và tính lãi chậm trả từ khi thiếu nợ (ngày hẹn trả 20-4-2018) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị Hoàng Y và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thụy Hải Đ1 cho rằng: Bà Y trực tiếp mua bán gỗ với ông N (chồng bà T). Sau khi mua gỗ thì giữa ông N và bà Y đã lập phiếu tính tiền gỗ và bà Y đã thanh toán cho ông N theo đúng thỏa thuận với nhau. Tại phiếu tính tiền gỗ cuối cùng thì sau khi hai bên tính toán, thanh toán xong thì bà Y chỉ còn nợ lại ông N 100.000.000 đồng (là phiếu tính tiền gỗ mà bà T cung cấp khi khởi kiện bổ sung). Đến ngày 17-5-2018 (dương lịch) bà Y đã trả dứt điểm số tiền 100.000.000 đồng còn nợ cho vợ chồng bà T (Do bà T ký nhận). Hiện tại bà Y không còn nợ tiền vợ chồng bà T, ông N bất cứ khoản tiền nào. Nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Y, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà Y đều thống nhất xác định hình thức mua bán và thanh toán của hai bên là xe gỗ được đưa đến trạm cân để xác định khối lượng, trạm cân sẽ xuất 2 phiếu cân, sau khi vợ chồng bà T giao gỗ cho bà Y thì bên bà Y ký vào phiếu cân, mỗi bên giữ 1 phiếu. Sau đó, căn cứ vào các phiếu cân gỗ, hai bên đối chiếu, lập phiếu tính tiền gỗ và phiếu tính tiền gỗ chính là căn cứ để bà Y thanh toán tiền cho vợ chồng bà T.

[2.1] Bà T cung cấp chứng cứ cho Tòa án là 52 phiếu cân gỗ, trong đó có 38 phiếu có chữ ký (35 phiếu do bà Y ký tên, 03 phiếu do ông Sang em của bà Y ký tên), 14 phiếu còn lại không có chữ ký người nhận, những phiếu cân này do trạm cân cung cấp khi bà T đưa xe đến cân gỗ. Hình thức của phiếu cân chỉ thể hiện ngày, tháng cân gỗ, trọng lượng gỗ, trọng lượng xe; 01 phiếu tính tiền gỗ đề ngày 20/2/2018 và 01 file ghi âm hội thoại giữa bà T và bà Y về việc xác định phiếu cân.

[2.1.1] Tại biên bản đối chất ngày 15-9-2021 và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận các phiếu cân có chữ ký của bà Y (35 phiếu) và (03) phiếu có chữ ký của

ông Sang (em bà Y), không thừa nhận các phiếu cân không có chữ ký và bị đơn cho rằng đã thanh toán tiền mua gỗ cho nguyên đơn xong nhưng không thu hồi lại phiếu cân xe. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại tòa, các bên đương sự thống nhất về hình thức giao gỗ bằng việc ký nhận phiếu cân và sau đó hai bên tính toán bằng phiếu tính tiền gỗ. Đoạn ghi âm được xác định là giọng nói của bị đơn (bà Y) xác định có 52 phiếu “*Chính tay em tính tiền là em nhớ 52 phiếu luôn. Em tính bằng chi tiết em nhớ 52 phiếu*”(Theo bảng tóm tắt đoạn ghi âm do bà T cung cấp, bút lục 102), nhưng không thể hiện rõ đã thanh toán tiền hay chưa và thanh toán bao nhiêu tiền của bao nhiêu phiếu cân.

[2.1.2] Tại biên bản xác minh chính quyền địa phương ấp C1, xã Đ, huyện C (bút lục 241) đã xác nhận ông Sang có làm việc tại xưởng cưa của bà Y trong thời gian các bên giao dịch mua bán. Nên có căn cứ xác định 03 phiếu cân do ông Sang ký tên là ông Sang nhận gỗ thay cho bà Y.

[2.1.3] Do đó, căn cứ vào các phiếu cân hàng (giao gỗ) có chữ ký của phía bị đơn (35 phiếu bà Y ký nhận, 03 phiếu ông Sang ký nhận) để xác định bị đơn có nhận của nguyên đơn 38 phiếu cân gỗ. Bị đơn cho rằng đã thanh toán xong, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã tính tiền gỗ đối với 38 phiếu cân trên cho nguyên đơn.

[2.1.4] Đối với 14 phiếu cân không có chữ ký của phía bị đơn, bà T cho rằng khi giao gỗ cho bà Y do tin tưởng nên có 14 phiếu cân xe, tài xế giao hàng không có mặt bà Y nên không có yêu cầu ký tên. Thấy rằng: Qua xác minh những người chở gỗ thuê cho vợ chồng bà T xác nhận có những phiếu cân bà Y không có ký tên, nhưng do thời gian đã lâu họ không nhớ cụ thể và cũng không xác định được phiếu cân nào. Mặt khác, sau khi nhận 14 phiếu cân không có chữ ký bên nhận gỗ (bà Y) thì bà T là chủ hàng (người bán gỗ) cũng không gặp bà Y để đối chiếu và yêu cầu bà Y ký tên. Ngoài ra, trong 14 phiếu cân này có một số phiếu không thể hiện trọng lượng xe, trọng lượng hàng (bút lục 148, 149). Nên không đủ căn cứ xác định 14 phiếu cân này là bà T giao hàng (gỗ) cho bà Y.

[2.2] Đối với phiếu tính tiền gỗ do bà T cung cấp cho Tòa án có phần số tiền được đánh máy, góc trên bên phải thể hiện nội dung “Ngày 20/2/2018” bà T thừa nhận do bà T viết, phía cuối của trang giấy thể hiện nội dung bà Y còn nợ 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, bà Y thừa nhận có viết và ký tên, nhưng bà Y cho rằng đã thanh toán đủ cho bà T số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng, bà T có ký nhận số tiền này thể hiện tại biên nhận ngày 17-5-2018. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền còn nợ 100.000.000 đồng trong phiếu tính tiền gỗ bà Y đã thanh toán cho bà T xong. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi 100.000.000 đồng của bà T là có căn cứ.

[2.3] Cũng tại chứng cứ phiếu tính tiền gỗ do bà T cung cấp, bà Y cho rằng giữa hai bên có mua bán gỗ, tuy nhiên đã tính toán xong và phiếu tính tiền gỗ này là phiếu tính của ngày cuối cùng, sau khi tính toán xong bà Y còn nợ 100.000.000 đồng và bà đã thanh toán xong cho bà T số tiền 100.000.000 đồng ngày 17-5-2018. Nên bà Y không còn nợ tiền gỗ đối với vợ chồng bà T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Y thừa nhận có mua bán gỗ và thừa nhận 38 phiếu cân xe (bà Y ký 35 phiếu, ông Sang ký 03 phiếu) là nhận gỗ của bà T, nhưng bà Y không xuất trình được chứng cứ đã thanh toán của 38 phiếu cân này. Do đó, cần buộc bà Y có trách nhiệm thanh toán cho bà T tổng trọng lượng gỗ của 38 phiếu cân là 541.560kg : 750, tương đương 722 TE gỗ. Giá mỗi TE gỗ theo bà T thừa nhận là 1.250.000đ/TE. Như vậy, tiền gỗ được tính thành tiền là: 722TE x 1.250.000đồng = 902.500.000 đồng; bà T thừa nhận bà Y đã thanh toán 130.000.000 đồng. Như vậy, bà Y còn nợ tiền gỗ của bà T là 772.500.000 đồng. Do bà Y chậm thanh toán cho bà T nên bà Y còn phải chịu khoản lãi suất theo quy định là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Tiền lãi được tính từ ngày 20-4-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 24-3-2021 là 35 tháng 4 ngày, cụ thể như sau:

$772.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 35 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 225.266.000 \text{ đồng}$  (làm tròn số). Tổng cộng tiền gốc và lãi là 997.766.000 đồng (772.500.000 + 225.266.000).

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Y nợ bà T tổng cộng 52 phiếu cân xe (gỗ) và buộc bà Y thanh toán số tiền của 52 phiếu cân trên là chưa xem xét, đánh giá khách quan toàn diện vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Y; sửa bản án sơ thẩm. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận

### [3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử xác định lại án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

### [4] Chi phí tố tụng:

[4.1] Chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận một phần nên bà T chịu nộp 2.500.000 đồng và bà Y phải chịu



nộp 2.500.000 đồng. Ghi nhận bà T đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 5.000.000 đồng, nên buộc bà Y có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 2.500.000 đồng.

[4.2] Chi phí xác minh: Bà Y chịu nộp 2.000.000 đồng, ghi nhận bà Y đã nộp và thanh toán xong.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Hoàng Y.

Sửa bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 429, Điều 430, Điều 433 và Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 33 Luật HN&GD và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” đối với bà Trần Thị Hoàng Y.

Buộc bà Trần Thị Hoàng Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim T, ông Trần Thanh N số tiền 997.766.000 đồng (chín trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 772.500.000 đồng và tiền lãi 225.266.000 đồng.

Ghi nhận bà T không yêu cầu chồng bà Y cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Kim T đối với bà Trần Thị Hoàng Y về việc đòi số tiền 100.000.000 đồng.

3. Chi phí tố tụng:

- Chi phí giám định:

+ Bà T phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền chi phí giám định, ghi nhận bà T đã nộp xong;

+ Bà Y phải chịu 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền chi phí giám định. Do bà T đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên bà Y có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Chi phí xác minh: Bà Y chịu nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng, ghi nhận bà Y đã nộp và thanh toán xong.

#### 4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Hoàng Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 41.933.000 (Bốn mươi một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Kim T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.357.000 (Hai mươi một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006168 ngày 06-8-2019 số tiền 2.500.000 đồng và biên lai thu số 0019946 ngày 18-6-2019 và số tiền 22.618.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp sau khi khấu trừ là 3.761.000 (Ba triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Hoàng Y không phải chịu, hoàn trả cho bà Y số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007280 ngày 07-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Kim Sang**

